| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN U MINH THƯỢNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2018.
Về việc tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Tuấn Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim H, sinh năm 1989 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp T, xã C, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị Kim H trình bày:***

**Về hôn nhân**: Chị Võ Thị Kim H và anh Trần Văn D (sau đây gọi tắt là Chị H, Anh D) đăng ký kết hôn ngày 29/7/2010, tại UBND xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Anh D thường đánh bạc, không lo làm ăn và chăm lo gia đình, Chị H nhiều

lần khuyên nhưng Anh D không sửa đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, Chị H yêu cầu ly hôn với Anh D.

**Về con chung**:

Chị H và Anh D có 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Hân, sinh ngày 15/10/2010, giới tính nữ và Trần Văn Ý, sinh ngày 01/5/2014, giới tính nam (hiện 02 con đang sống chung với Chị H, Anh D). Vợ chồng ly hôn Chị H yêu cầu được nuôi cháu Hân, đồng để Anh D nuôi cháu Ý, vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2018 cháu Hân có nguyện vọng được sống với Chị H.

**Về tài sản chung và nợ chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt trực tiếp, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng Anh D không có ý kiến.

***Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:***

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); sổ hộ khẩu; giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô); giấy khai sinh tên Trần Thị Ngọc Hân và tên Trần Văn Ý (bản sao) và đơn xác nhận nơi cư trú (bản gốc) và bản tự khai ngày 03/5/2018 của Chị H và cháu Trần Thị Ngọc Hân.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

*[1]. Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Trần Văn D được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Trong quá trình xét xử vụ án Anh D cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn D.

*[2].Về quan hệ hôn nhân:*

Hôn nhân giữa Chị H và Anh D là hợp pháp. Tại phiên tòa Chị H trình bày lý do xin ly hôn là Anh D thường đánh bạc, không lo làm ăn, chăm lo gia đình. Hơn nữa, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Từ đó, vợ chồng sống ly thân từ 5/2017 đến nay.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng Chị H kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa Chị H và Anh D không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho Chị H được ly hôn với Anh D.

*[3] Về con chung:*

Tại phiên tòa, Chị H đồng ý giao con chung tên Trần Văn Ý, sinh ngày 01/5/2014, giới tính nam cho Anh D tiếp tục nuôi dưỡng, Chị H không cấp dưỡng nuôi con; Chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Ngọc Hân, sinh ngày 15/10/2010, giới tính nữ.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2018 cháu Hân có nguyện vọng được sống với Chị H.

HĐXX nhận thấy, hiện cháu Ý đang được Anh D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nên thống nhất giao cháu Ý cho Anh D tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Hân cho Chị H nuôi dưỡng. Chị H, Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, Anh D có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

*[4] Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(*ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0006879 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

***Vì các lẽ trên*,**

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

*1. Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Kim H với anh Trần Văn D.

*2. Về con chung*: Giao cháu Trần Văn Ý, sinh ngày 01/5/2014, giới tính nam cho Anh D tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thị Ngọc Hân, sinh ngày 15/10/2010, giới tính nữ cho Chị H nuôi dưỡng. Chị H, Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, Anh D có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡngvà giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0006879 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp xong.

Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*/.

***Nơi nhận***
*- Tòa án ND tỉnh KG;*
*- VKS ND huyện UMT;*
*- Chi cục THA huyện UMT;*
*- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hs.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khanh**